

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2022

Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Thảo;

2/ Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 137/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Mai T T, sinh năm 2001; địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: ông Phạm HP, sinh năm 1997; địa chỉ: tổ 6, khu phố A, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai T T trình bày:

Bà T và ông P chung sống với nhau vào năm 2021, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương vào ngày 05/02/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà T, ông P sống không hạnh P và xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông P thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, có nhiều lời lẽ xúc phạm và có hành vi đánh đập bà T. Bà T và ông P đã sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn,

không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông P.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Chứng cứ do nguyên đơn bà T giao nộp gồm bản sao chứng minh nhân dân, Thông báo về sổ định danh cá nhân và thông tin công dân của Công an xã Thạnh hội, thị xã Tân Uyên; bản sao Trích lục kết hôn, văn bản cam kết.

Bị đơn ông Phạm HP vắng mặt, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: quá trình tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Mai T T có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Phạm HP được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông P.

[2] Bà Mai T T và ông Phạm HP tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2021, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương vào ngày 05/02/2021, là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: theo lời trình bày của bà T thì trong thời gian chung sống giữa bà T và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do P thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, có nhiều lời lẽ xúc phạm và có hành vi đánh đập bà T. Bà T và ông P đã sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập ông P tham gia tố tụng nhưng ông P vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc ông P vắng mặt không có lý do, là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng, nghĩa vụ chứng minh của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông P là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, bà T yêu cầu được ly hôn với ông P, là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai T T như sau:

- Về hôn nhân: bà Mai T T được ly hôn với ông Phạm HP.

- Về con chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: bà Mai T T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006047 ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THA dân sự thị xã Tân Uyên;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Hương Diệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thảo - Nguyễn Quốc Dũng Phạm Thị Hương Diệp

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương Diệp

